

TRIAN

TAPCHI

新報

NỮA GIỜ VỚI CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

Hôm bốn giờ chiều 13 tháng chín dương lịch nhận được giấy bộ ngoại giao cho phép đến thăm Chủ-tịch, tôi vội vàng sửa soạn đến trụ sở làm việc của Chủ-tịch phủ, cạnh phủ Bắc-bộ.

Thì ở đây tôi đã được yết kiến cụ chủ-tịch trong một gian phòng tĩnh mịch.

Đứng trước nhà ái quốc quốc trưởng mà hiền từ đã bỏn tâu vì nước, đã hy sinh cho đồng bào, tôi cảm thấy cuộc hội kiến ấy là một giờ phút rất thiêng liêng trong đời làm báo của tôi, và tôi nhận thấy ở nét mặt vị thủ lĩnh cái tình thân ái tranh đấu của cả một dân tộc.

Tôi cung kính thi lễ và sau khi được phép ngồi trước bàn giấy cụ chủ-tịch tôi trình:

— Bẩm cụ trước hết tôi xin cụ tha lỗi cho vì trong lúc này cụ đang bận rộn nhiều việc, nhất là việc ngoại giao, mà chúng tôi đến đây thật là làm phiền lòng cụ nhưng sự xét thay mặt cho một cơ quan văn hóa chúng tôi tuy phận sự phải đến.

Tất cả cụ gạt đã gạt tiếp:

— Cơ quan văn hóa cũng tôi ra đời vào năm 1941, các đồng chí tôi và tôi nhận thấy cái văn minh vật chất đã làm cho người xứ này gần như « quên gốc » nên chúng tôi chọn cái tên ở câu Luật-ngữ « ôn cố tri Tân » muốn nhắc lại cho quốc dân đồng bào những trang sử vẻ vang, những sự nghiệp anh hùng, những phát triển về văn học đề kêu gọi lòng ái quốc, trong thời Pháp thuộc, chúng tôi đã sống những phút khó khăn, rồi rồi đến khi đảo lộn, chúng tôi có cho phát hành một số tờ san Việt - Nam giải Phóng, và tuyên ngôn thời kỳ « ôn cố » đã qua, nay đến lúc phải theo mục đích « Tri Tân » để phụng sự tổ quốc, vậy theo tôn ý thì một cơ quan văn hóa trong lúc này có thể xu hướng hẳn về chính trị không?

— Văn-hóa với chính-trị — Cụ Hồ ôn-tôn giả như — rất có liên-lạc với nhau, có Chính-trị mới có văn-hóa, xưa kia chính-trị bị đàn-áp,

thì văn-hóa cũng bị đàn-áp, nền văn-hóa của ta vì thế mà không nảy nở ra được, nay nước ta đã độc-lập, tinh-thần được giải phóng, những tinh thần cổ-hữu mà quý báo nêu ra từ trước vẫn là tốt, nhưng hiện nay cần phải có một nền văn-hóa hợp với khoa-học và hợp cả với nguyện vọng của dân.

Các ngài đã nêu ra mục-dịch « Tri Tân », Tri Tân tức là phải có chính-trị, dân ta bao năm bị đàn áp, ngày nay cần phải có một nền văn hóa mới.

Như gần đây tại sao các sách, như những tiền thuyết điểm tình bán rất chạy là vì tinh-thần bị truy-lạc, suy-đổi, ta phải gây lại một tinh-thần mạnh mẽ cho dân chúng để tranh-đấu.

— Bẩm cụ, theo ý cụ thì văn-hóa Việt-nam gần đây có tiến được tí nào không?

Sau một phút ngẫm nghĩ, cụ Hồ nghiêm nét mặt trả lời:

— Kể ra cũng không hẳn là tiến, ví như ngài trông thấy ngọn đèn điện sáng, con đường rộng giải rủa, họ đặt đèn sáng cốt cho họ trước, làm đường rủa ốt cho xe ô-tô của họ đi, chứ nào đồng-Lào có được hưởng gì đâu, chẳng qua chỉ là cái « cận-bã » mà thôi, tuy trong mấy năm gần đây có ít nhiều thanh niên du học thanh là nhưng cũng chưa hẳn là một bằng chứng của sự tiến bộ.

Đến đây tôi có đưa trình cụ những số đặc san đã xuất bản, cụ lâu giờ xem qua, đèn số « Trăm hưng Đạo » cụ nói:

— Đây là đề gây lòng ái quốc!

Đọc những cái đầu bài « Gia rõ là diệt vong » và « Chiến đấu » ở hai số Tri Tân vừa ra cụ tìm kiếm cười nói:

— Đây các ngài đã bắt đầu làm chính trị rồi, tức là các ngài thì hành thời kỳ tri tân đó!

(Xem tiếp trang 17)

NGÀY ĐỘC-LẬP

Thơ ta yêu quê nước nhà
Thảnh-thơi có lúc ngỏ ra mắy nhời
Rằng: ngày độc lập đẹp giới
Mệnh mong nước chảy sông người
xiết bao.

Lặng yên chẳng chút ồn-ào;
Rừng cò phấp phới gió chào ngả
nghiêng.

Ban thờ Tổ-quốc thiêng-liêng
Ba Đình vườn rộng dành riêng giữa
bầy.

Lò hương nghi ngút khói bay;
Sử xanh phảng phất được đầy vinh
hoa,

Dấu tâm cầu nguyện thiết tha;
Quốc hồn sinh hoạt phò ra ngấp ngừng.
Xương ca âm nhạc tung bừng,
Việt Nam muốn tuổi Vạn-lừng gần xa
Tự mình lo đã, rồi ra nhờ giới.

Ló công chịu khó sắt mài
Nên kim ngày ấy vậy thời lạ đâu?
Nền văn hoá của Mỹ Âu
Đời đời say đắm lâu lâu mới thành.
Các dân tiền tiến vốn lành;
Việt Nam hậu tiến bước nhanh đến thỉ.

Từ từ nghĩ chín cùng dĩ
Thần tiên chỉ lối ai ghé lạc đường?
Thợ may khéo chẳng vội vàng,
Công phu e vụng dở dang thiết thời.
Sự gì cần thiết hợp thời,
Tai nghe nhẽ phải mắt coi rõ-ràng.
Nước nguy nên rút mớ-màng,
Cùng nhau ngự địch chúng đang dinh
ngoài.

Trẻ già mình thế một nhời,
Dã lòng ngỏ thật, phật giới chừng cho.
Nhấn dân khao-khát tự do,
Mạnh giàu ta sẽ dẫn đo thuận đường
Kinh doanh xư xư xư sang,

Những nguồn lợi nhớ mớ-mang
đồi dào,

Các vùng bờ rộng non cao
Của giới đầu đó còn bao chưa tìm!
Bách khoa tri thức xét xem,
Phần to ích nước góp thêm đầi nhiều.
Bây giờ ghê gớm nạn nghèo!
Cơ hàn ác tựa kùm beo thịt người.

Các môn học vấn hội ơi!
Tinh nhanh phương thuốc tìm tòi
cứu dân.

Canh nóng sức mực đều cần,
Lo dân áo mặc cơm ăn có thừa,
Thôn quê nhiều về nên thơ;
Mùa màng gặt hái sớm chưa gánh gồng
Lúa vàng phủ khắp cánh đồng;
Vườn rau xanh tốt vun rờn làm cây.
Bổ mùa thường bận chân tay,
Mất vui khi thấy thùng đầy quả ngon.
Soy-sua khổ thể vì von

Nắng mưa lẫn xuôi chèo con chẳng lừ.
Bùt nghiên bút uông vớ vẩn;
Trâu bò rổ găng cây bừa cày chằm,
Bách công chuyên việc để âm,
Học rồi nhưng có thử làm mới hay.
Ngược xuôi buôn bán đó đây,

Ta cùng ngoại quốc sau này sen vai.
Lầm lạng nước lụt mong lui;
Bắc kỳ đường gặt các nơi ước liền.
Ngày ngày công nghiệp tiến lên.
Thế thao ta nghĩ chẳng quên tập lành.
Làng cùng kiếm, việc nhà bình
Giữ gìn Tổ quốc thân vinh vô cùng.
Muốn dân một ý một lòng.

Đường đời sát cánh ta cùng với nhau.
Khôn ngoan trông trước nhìn sau
Cộng hoà hạnh phúc bền lâu vững
vàng

Hà-nội ngày 2-9-1945
THỊNH QUANG khai bút

Cuộc hội-dàm giữa Cụ Hồ chủ tịch **với ba đại biểu liên đoàn Văn Hóa**

Năm giờ chiều hôm 7 - 9-45 ban quản trị lâm thời đoàn Văn hóa bắc bộ đang họp tại nhà Văn hóa (bộ Khai Trí Tiến Đức cũ), thì có tín điện thoại của bộ ngoại giao cho biết rằng cụ Hồ chí Minh chủ tịch chính phủ lâm thời muốn hội đàm với đại biểu Đoàn Văn hóa khoảng 19 giờ.

Ba anh Trương Tửu, Thượng Sỹ, Nguyễn đức Quỳnh, do anh Nguyễn hữu Đang hướng dẫn, lần lần bộ phận đề yết kiến cụ Hồ chủ tịch.

Biết tiếng cụ đã lâu, lần đầu được gặp cụ trông bộ y phục quá giản dị, chúng tôi không dấu nổi sự cảm động; Nét mặt gần gũi đôi mắt quốc thước, bộ điệu hồn nhiên bộc lộ một tinh thần tranh đấu cương quyết và một tâm hồn nhân đạo, chân thành.

Sau mấy lời giới thiệu của anh Nguyễn hữu Đang, anh Trương Tửu nhân danh chủ tịch Ủy ban Văn hóa lâm-thời bắc bộ Việt nam, chào mừng cụ Hồ, tán thành cuộc cách mạng dân chủ vừa đắc thắng và đặt lòng tin nhiệm vào tài năng sáng suốt của cụ trong công việc lãnh đạo dân tộc trên đường giải phóng.

Lời nói thủng thẳng và dành dặt, cụ Hồ cảm ơn anh em trong giới Văn hóa.

— Theo ý riêng của tôi, lời cụ Hồ nói, trong sự giải phóng dân tộc và kiến thiết một nước Việt nam mới nhiệm vụ của các ngài trong giới Văn hóa cũng rất là nặng nề quan trọng. Dân tộc chúng ta đã bước sang một giai đoạn mới tất nhiên phải có một chính thể mới và một văn hóa mới. Khi chúng ta còn bị nô lệ thì văn hóa của chúng ta cũng mang nặng những dấu tích nô lệ. Bây giờ độc lập, văn hóa cũng phải có những dấu tích độc lập. Phải độc lập trước đã rồi văn hóa mới phát triển được. Dân tộc còn bị áp chế, hàng triệu đồng bào chúng ta vẫn còn, chết đói đầy đường thì các ngài văn sĩ, thi sĩ, nghệ sĩ, các ngài có thể ngồi trong những tháp ngà mà sáng tác được không. Tôi mong rằng các ngài trong giới văn hóa nhận lấy rõ nhiệm vụ của các ngài trong lúc này là: củng cố nền độc lập của Việt nam sửa soạn gây dựng cho đất nước một văn hóa mới. Ta phải làm thế nào cho văn hóa Việt nam sẽ chiễm được một địa vị trong nền văn hóa thế giới».

— Thưa cụ, lời anh Trương Tửu đáp lại. Toàn thể anh em trong giới văn hóa chúng tôi, bao lâu nay, vẫn sống trong sự áp bức ngột ngạt của chính sách thực dân. Tuy vậy dù cường quyền áp bức đến cực

nao, anh em chúng tôi cũng vẫn cố gắng vươn đến một ánh sáng, vươn đến độc lập và tự do. Ngày nay sự giải phóng của dân-tộc đã thực hiện một phần rất lớn. Cái ánh sáng tự do cần thiết cho sự phát triển của Văn hóa mà chúng tôi hằng khao khát đã nhờ sự giải phóng ấy mà bắt đầu tung bừng cho nên đối với chúng tôi, tranh đấu cho nền độc lập của nước nhà trong lúc này cũng tức là tranh đấu cho sự giải phóng của nền Văn hóa Việt-nam.

Cụ Hồ chủ tịch gật đầu tỏ ý bằng lòng:

— Bồn phận của các ngài là lãnh đạo tư tưởng của quốc dân, tranh đấu cho nền độc lập và kiến thiết một nền văn hóa mới. Cái văn hóa mới này cần phải có tính cách khoa học, tính cách khoa học tính cách đại chúng thì mới thuận với trào lưu tiến hóa của tư tưởng hiện đại.

Cụ nói tới đây, thì anh Nguyễn đức Quỳnh xin phép cụ trình bày một vài ý kiến:

— Thưa cụ, lời anh Quỳnh nói, cụ đã nói đến tính cách khoa học của văn hóa mới, chúng tôi xin đề cập đến sự hợp tác giữa các nhà kỹ thuật chuyên môn trong công việc kiến thiết quốc gia. Theo chế

chúng tôi nhận xét ít lâu nay thì các nhà kỹ thuật chuyên môn trong công việc kiến thiết quốc gia. Hình như vẫn còn chút ít ngần ngại khi muốn hợp tác với chính phủ để thi thố tài năng của mình. Họ là những người sống bằng kỹ nghệ và chỉ muốn làm việc cho kỹ thuật. Họ muốn được quyền đứng ngoài những xu hướng chính trị của đảng phái để phụng sự tổ quốc.

Mắt cụ Hồ sáng hẳn lên. Cụ với tay cầm quản bút ghi trên một tờ giấy để trước mặt cụ (chúng tôi thấy cụ ghi bằng chữ Hán) cụ đặt quản bút xuống chầm rãi nói:

— Tôi nhờ ngài thanh minh với tất cả những anh em trong giới kỹ thuật chuyên môn rằng: nước Việt Nam không phải của Việt Minh. Nước Việt Nam là của quốc dân Việt Nam. Chính phủ lâm thời hiện thời này không phải là Việt Minh mà là của toàn thể quốc dân.

Cụ ngừng lại, giơ tay phải lên như muốn xua đuổi một điều ngộ nhận của nhiều người đối với, chính phủ, và nói tiếp:

— Đấy ngài xem... Trong chính phủ lâm thời có cả vua, quan lại cũng có địa chủ cũng có, nông dân cũng có, công nhân cũng có. Đây là, một chính phủ liên hiệp quốc gia, không có màu sắc quốc gia nào lấn áp cả. Lúc này bất cứ người nào miễn là có tài và đừng phản cách mạng là có thể

phụng sự được quốc gia tổ quốc. Trong lúc chung quanh mình bao nhiêu người đói khát, mình có thừa thóc gạo mà lại cứ giữ bó bó lấy một mình thì thật là đáng chê trách. Người có tài cũng như người có nhều thóc gạo, phải đem mà giúp ích cho đồng bào. Nếu có thể mà lúc này không đem tài năng ra phụng sự quốc dân thì không những quốc dân có quyền chê trách mà ngay đến chính người có tài đó cũng phải chê trách.

Chừng như có một ý kiến mạnh mẽ gì mới nảy ra trong óc cụ mắt cụ bỗng trở nên hân hoan và nghiêm trọng. Đôi mắt cụ như lắng sâu vào trào lưu tiến hóa của lịch sử và cụ hỏi:

— Thật chưa bao giờ dân nước chúng ta có một sự đoàn kết rộng đến thế. Bồn phận chúng ta ngày nay — bồn phận của các ngài là làm sao cho sự đoàn kết rộng ra, càng ngày càng sâu xuống phải củng cố sự đoàn kết ấy cho nó bất rã xuống, cho nó bền chặt mãi...

Cụ ngừng lại, cảm động gian phòng yên lặng.

Sợ mất thêm nhiều thì giờ của cụ, anh Trương Tửu lên tường trình đại cương công việc của đoàn Văn hóa bắc bộ Việt Nam đang tiến hành:

1.) Tổ chức cuộc trưng bày văn hóa.

2.) Dự thảo một chương trình của tuần lễ Văn hóa

3.) Vận động đại hội nghị « toàn quốc » Văn Hóa

Nghe nói tiếng « toàn quốc » cụ Hồ gật đầu:

— Đại hội nghị toàn quốc văn hóa.... phải phải làm thế mới được. Từ trước đến giờ, chính sách thực dân Pháp đã chia rẽ chúng ta nhiều lắm rồi. Tôi mong rằng các ngài cố gắng làm được như thế để chức mau chóng cuộc đại hội nghị Văn hóa toàn quốc, gây được mối liên lạc mật thiết của quốc dân và Văn hóa — Chính phủ sẽ giúp đỡ các ngài những phương tiện để thực hành công việc đó.

Câu chuyện đã kéo dài hơn một tiếng đồng hồ. Ông Võ nguyên Giáp, bộ trưởng bộ nội vụ mở cửa phòng bước vào, rút đồng hồ ở túi ra ghé tai cụ Hồ thì thầm.... Chúng tôi đoán rằng Cụ sắp phải tiếp đoàn đại biểu của giới khác, vội đứng dậy. Anh Trương Tửu thay mặt anh em trong đoàn Văn hóa cảm ơn cụ một lần nữa. Cụ cũng đứng dậy, nhờ chúng tôi chuyển lời chào của cụ đến tất cả anh em trong đoàn Văn-hóa, và ngỏ ý mong anh em đoàn kết chặt chẽ với quốc dân để cùng tranh đấu cho sự giải phóng dân tộc.

Sau khi bắt tay cụ Hồ Chủ tịch, chúng tôi lui về, trong lòng chưa cảm thấy thành-thực và tin nhiệm đối với cụ Chủ tịch Chính phủ lâm thời.

Đoàn Đại Biểu

UY BAN VĂN-HÓA LÂM
THỜI BẮC BỘ VIỆT NAM

Ai là tác giả

Bồ thần quốc âm ca?



NHÀ V đọc «chung quanh việc khởi nghĩa Bãi sậy» của bạn Tiên Đàm trong Tri Tân 195, hai chữ «Tán Thuật» nhắc tôi nhớ lại «Bồ thần quốc âm ca», một bài hát tôi đã học thuộc lòng từ năm lên tám tuổi.

Còn nhớ hồi ấy tôi mới vỡ lòng học chữ Nho được nửa năm thì thầy tôi mất, cậu tôi — ông Huân Phú Khê — đem tôi về nuôi dạy, cậu tôi yêu tôi lắm, cứ hết xong buổi học tôi là tôi rửa chân chèo lên giường nằm với cậu. Nếu tôi chưa ngủ thì cậu tôi lại dạy tôi học những bài thơ, bài phú, bài ca bằng quốc âm, hoặc của cậu tôi làm, hoặc của các ông khác. Bồ thần quốc âm ca, là một trong số các bài tôi đã nằm mà học. Theo cậu tôi thì là của ông Tân Thuật, một Lãnh tụ đảng Bãi sậy, khởi nghĩa đánh nhau với giặc Pháp, sau thua chạy sang Tàu, rồi sang Nhật, ông làm bài này hồi Nga Nhật chiến tranh, do một bạn đồng du đem ngăm về nước cho các văn thân. Bài này, lẽ tất nhiên là cậu tôi chỉ dạy truyền khẩu cho tôi học thuộc lòng, chứ không viết ra, vì sợ họ vớ được thì tù, cậu tôi đã sẵn cái «án văn thân», nên vẫn dặn tôi, không được đọc bài ấy trong khi có khách lạ. Một bài học thuộc lòng từ lúc còn tấm bé, ngót 40 năm nay mới ôn lại, tôi chỉ còn nhớ được đoạn đầu và một đoạn dài về cuối, vậy cũng xin chép ra đây để kinh chất cùng đọc giả, vì có người bảo là của Kỳ ngoại

hầu chứ không phải của Tân Thuật. Ai là tác giả, xin các bậc thức giả chỉ giáo và có chỗ nào nhầm lẫn xin bổ chính cho.

THI NHAM

Đoạn đầu :

Á-tế-Á năm châu là bậc nhất,
 Người nhiều hơn mà đất cũng rộng hơn
 Cuộc đời mở hội Doanh-hoàn,
 Anh-hùng bốn bề giang san một nhà.
 Ngăm từ thuở Âu-la tìm đất,
 Vượt Chi-na qua Nhật đến Triều-tiên.
 Tiêm-la, Diến-diện gần liền,
 Cao-mau, Đại-việt thông miền Ai-lao,
 Thệt một mảnh trăm dao xâu xé,
 Chiếc kim Âu chẳng mẻ cũng khôn lành
 Tôi con Pháp, tớ thầy Anh,
 Nén hơi Đại-Đức nép mình Cường Nga.
 Gương Ấn độ có xa dân đó,
 Chẳng máu đào cũng họ da vàng,
 Mệnh mông một dải Đông-dương,
 Nước non quanh quất trông càng thêm đau.
 Cờ tự lập đứng đầu phát trước,
 Nhật-bản kia vốn nước đồng văn,
 Trái đồng nổi hiệu duy-tân,
 Nhật-hàng là đấng anh quân ai bề.
 Giống thần võ rêng về một họ,
 Văng phũ-tang soi tỏ góc trời.

.....

(quên mất một đoạn khá dài,
 ai biết xin bổ cho, đa tạ)

(Xem tiếp trang 18)

Vũ phạm Khải

MỘT VỊ VĂN HỌC DANH THẦN TRIỀU NGUYỄN

36 7

TRÚC-KHÁ

Năm Tự-Đức thứ 21 (1868) Vũ Phạm Khải về kinh, gặp kỳ thi đình, sung vào châu duyệt quyền, rồi được thăng làm Hàn lâm chương viên, Thị-Độc-Trực học-sĩ, vẫn sung toàn tu ở sử-quán. Năm ấy gặp tiết tứ tuần Đại-khánh, phàm những chiếu biểu, phần nhiều do tay ông viết, vua xem rất lấy làm xướng ý. Ông lại soạn bài biếu sang cống Yên-kinh, vua khen là chỉ một câu *Phục Di* ở đầu, đã bao gồm cả được ý của toàn thiên. Sử bộ sang Tàu có viên quan Phủ-bính nhà Thanh hỏi thăm về bậc danh thần ở chữ nước ta, viên ấy phó-sứ Hoàng Tinh nói ngày trước có ông Trương quốc Dụng, ngày nay có ông Vũ Phạm Khải. Hỏi ông Khải hiện làm quan gì, nói làm quan ở viện Hàn-lâm và ở Sử-quán. Viên phụ chính tướng thế là ông Khải làm quan to lắm, vì theo chế độ nhà Thanh, người nào làm quan mà không sung vào viện vào quán thì không cao quý, có biết đâu ở ta, những chức đó chỉ là chức nhàn tản mà thôi. Ông tuy có văn tài xuất sắc buổi ấy, được vua Dục-Tôn rất đề ý yêu vi, song có lẽ vì thấy ông thiếu sự nhu thuận, nên không được nhà vua đại dụng. Một lần có người tâu với vua, bảo Vũ Phạm Khải mỗi khi soạn nên được bài chiếu biểu gì, lại nói là phải ta khó ai làm nổi. Vua nghe nói lấy làm khó chịu.

Năm thứ 22, ở tỉnh Bắc-minh có giặc, Vũ phạm Khải phụng phái ra giúp việc an phủ ở tỉnh Ninh-binh. Tháng 8 đến tỉnh, thân đem binh dũng đi khắp các miền Nho-quan. Lực-yên, tuy tập thị uy đức của triều-đình nhân dân rộn rịp kéo ra đón tiếp, toàn cảnh được yên ổn vô sự.

Tháng 2 năm sau, phụng cử quyền lĩnh chức

Bổ-chính sứ tỉnh Thái-nguyên. Tháng 3 lên đến lý-sở. Thái-nguyên là một tỉnh nhỏ ở ngoài biên, sau mấy năm giặc già nhiều nhưng, trăm việc đều khó, ông đến nơi, tha những thuế thiếu, khoan việc phu dịch, giúp kẻ cô cút, một vài tên giặc còn lẫn trốn thì dùng cách chiêu phủ. Trong khoảng vài tháng, tỉnh hạt được bình thiệp. Quan Tổng-đốc Bính-khâm đại tướng-quân bấy giờ là Đoàn thọ đóng ở tỉnh Thái, lấy làm ý trọng vào ông lắm, bèn dời binh sang đóng ở tỉnh Lạng-sơn chức lên có tên tướng giặc Đặng Chi-Hàng (1) từ ngoài biên đánh đồn Bằng-khẩu. Ở tỉnh hiện không có quân sẵn phái đi, ông Khải vội tư đi các nơi lấy quân về giúp. Song quân các nơi chửa về thì thế giặc đã lan đi rất mạnh, đánh đồn Ngân-sơn, chiếm đồn Cao Dã, tin cảnh báo đồn đập đưa về. Ông Khải đề biết tên Hùng có thù với Nông Hùng - Nghĩa ở Bảo - lạc mà thân với Lương Tuấn-Tú ở Cao hàng, bèn khuyên Nông đem quân đuổi theo và giục Lương phải người chiêu dụ. Chính ông cũng viết thư gửi đến tỏ bảo mọi lẽ họa phúc, nói những tên Ngô Côn Ngô, Kinh trước kia làm loạn, nay đau mắt cả, quật cường phỏng có ích gì không? Ông lại đem hiện tình tâu và tư lên, lên tiếp được chỉ, bảo kiêm dùng cả hai cách bình-tửu và chiêu phủ. Lại có chỉ sai tham tán đại thần Lê Bá Thận hợp với đạo quân tuần-biên của Trần Văn Mỹ đi tiêu diệt. Đường lương bị nghẽn, ông Khải lấy địa vị là quan sở-tại theo quân đi đốc lương. Đạo binh Tham tán đóng ở đồn Chợ Mới, ông Khải đốc lương đến đồn châu Bạch-thông, chèo đong với đạo quân Tuấn-bôn.

(Xem tiếp trang 10)

(1) tức Đặng Văn

VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 19

Ưng-hoà NGUYỄN-VAN-TỐ

THIÊN thứ sáu trong quyển *Việt - Nam Văn học Sử* gần nói về «ngôn-ngữ văn-tự». Cả thiên có một chương (là chương thứ mười chín) đề là «những sự khác nhau về thổ âm trong tiếng Việt-nam». Ông Dương Quảng Hàm cho rằng «tiếng Việt nam có thổ âm là một thứ tiếng có nhất trí», chỉ có «một vài điều khác nhau về thổ âm», rồi ông chia sự «khác nhau vì nói sai viết sai», «khác nhau vì phong thổ». Bấy trang sách của ông (từ tr. 184 đến 190) đều có ích và nói phải cả.

Duy trang 185 có mấy câu, ông Hàm nói như thế này: «Tiếng Nam xưa kia không được coi là tiếng của chính-phủ dùng...». Câu ấy trái với câu in ở trang 89, là câu: «khi đức Nguyễn-Anh còn xưng vương,... có dùng tiếng nôm làm các dụ sắc và công-văn».

Không những khi đức Nguyễn-Anh còn xưng vương, có dùng tiếng nôm làm dụ sắc và công văn, về sau đức Nguyễn-Anh lên ngôi hoàng-đế, đặt niên - hiệu Gia-long, cũng bấy còn dùng nôm; hiện tôi có một bộ sách riêng chép những án tâu và công việc họ-Lỗ, Hộ, Hình, Công, xin sao một bài chiếu năm Gia-long thứ hai (1803) về việc đề đề đọc - giả biết. «chiếu: Bắc - thành các xứ

phủ huyện xã thôn phường quan-quân sĩ-thứ kỳ - lão đẳng, khám tri: Hồ hưng lợi trừ hại, là vì chính chi bản; tham chư cận cớ sở hành, chư hữu duyên cách, các tùy sở nghi. Vì, bản quốc-trị hà chư huyện xã, tổng tiền sáng lập đề lộ, phòng khi thủy潦 trướng dật, việc ấy đã nhân, tuần kính, cớ, song lễ tiết giới thu潦 thường có quyết hội thi thủy-thế sở cấp địa phương, chẳng những điều hòa làm một, dù lư xá nhân sắc, diệc bị kỳ hại. Nay chúc kiến dân mệnh, cũng muốn một phen đại đoạn hưng trừ. Song tưởng rằng: lập đề phá đề, các hữu lợi bệnh. Như bây giờ: một là noi theo-cựu đề ấy, mà tu bổ lấy những chốn hội liệt; một là nhân kỳ kỳ hoại, mà tính phá thành-đề, lễ đến潦: kỳ nhậm kỳ thủy thế tháng giáng. Hai lẽ ấy đường lợi hại thế nào, cũng chưa lấy đầu chuẩn đích. Nhất cử nhất động, quan hệ bất tể, ai nấy quan văn tập kiến, kỳ địa thế sở tiện, với dân tình sở xu, ắt đã chu tri lợi hại. Đặc chiếu ban hạ việc ấy. phàm hữu sở kiến, đều cho mình bạch cụ trẫm: lễ phủ huyện quan dĩ thượng, thì tu bổ đề tể, nhữn đến tổng trưởng xã trưởng, thì đầu nguồn tại phủ huyện quan, nhất thổ chuyển lưu đồng lãm,

còn sĩ thứ kỳ lão, thì đã ban thiết công hàm nhất kiện tại Nam môn ngoài Quảng-văn-dinh, như hữu sở trần việc phá đề trức đề lợi hại ấy, các hữu đầu nạp hàm trung, dĩ bị thu lãm. Hạn tập nhất dĩ lý, kỳ trung thực lợi thực hại, hoặc lợi, đa nhi hại thiểu, hoặc lợi thiểu-nhi hại đa, với sở dĩ tri lợi tri hại chi do, nhất nhất điều trần, vụ tại phầu tích, tương tạn kỳ sở ngôn, thiết đáng thời vụ khả đề vu hành, tức hữu tinh-thường, dĩ xưng trăm câu ngôn chi trí ý. Khâm tai, đặc chiếu. Gia-long nhị niên, thập nguyệt nhị thập nhật».

Bài này tuy là nôm, nhưng dùng nhiều chữ nho quá, người không học chữ nho không thể hiểu nghĩa, nên tôi dịch ra một bài toàn tiếng nôm như sau này:

«Ban chiếu cho các quan, các lính, học-trò, dân trai và những người già cả ở các xã, thôn hoặc phường trong các phủ huyện thuộc các xứ (cũng như các tỉnh) ở Bắc-thành biết rằng: Lễ việc gì có ích lợi thì làm, việc gì có hại thì bỏ đi, ấy là cái gốc chính-trị đó, so với việc làm gần đây, điều gì nên theo đều gì nên dời, đều tùy công việc mà làm. Vì, các làng, các huyện, phải làm về việc nước sông của nước ta, từ trước sáng lập ra

đường đê, phòng khi nước lụt dâng
dậy lên : việc ấy nối theo đã lâu.
Nhưng hễ đến mùa lụt tháng bảy,
thường có đê vỡ thì cái nước ấy
tràn vào địa phương nào, không
những là ngập mất lúa cấy, đến cả
nhà cửa, người và giồng vật, cũng
đều bị hại. Nay Trẫm đã xét thấy
cái khổ của dân cũng muốn một
phen ra tay làm việc ích-lợi trừ
bỏ việc hại cho hết.

Song nghĩ rằng : việc đắp đê
hay phá đê dâng nào cũng có cái
lợi cái hại, như bây giờ : một là
nói theo đê cũ, mà tu bổ lấy những
chỗ vỡ ; một là nhân khi đã vỡ mà
phá luôn cả những khúc đê chưa
vỡ, để đến mùa nước lên, mặc kệ
cho thổ nước lên xuống. Hai lẽ ấy
lợi hay hại thế nào, chưa lấy gì
làm chuẩn đích. Hễ làm ra, thì
quan-hệ rất lớn. Ai nấy đã quen
nghe, quen thấy, địa thổ thế nào
cho tiện, và dân tình muốn thế
nào, hẳn đã biết rõ. Trẫm ban
chiếu riêng về việc ấy : phạm ai có
sở-kiến gì, đều cho điều-trấn mình
bách, các quan từ phủ huyện trở
lên, làm triều đệ tấu, đến tổng-
trưởng, xã-trưởng, thì bài văn
trần ấy đưa ở phủ huyện, để
chuyên tâm một bề. Còn học trò,
dân gian và kỳ lão, thì đã đặt một
cái bôm ở Quảng-văn đình ngoài
cửa Nam : nếu ai điều trần về việc
phá đê, đắp đê lợi hay thế nào, đều
cho bỏ cả trong bôm ấy, để thu
lại xem xét. Hạn mười ngày là
cùng. Trong đó điều gì lợi, điều gì
hại, hoặc lợi nhiều hại ít, hoặc lợi
ít hại nhiều, với cái duyên cớ lợi
hại tại làm sao, điều trần rõ ràng
từng lý từng tý, cốt phải tách bạch
cho hết. Ai nói được thiệt hợp

hời-vụ, có thể làm nài, sẽ có khen
thưởng ngay, đề tỏ cái chí-ý của
Trẫm cầu lời nói phải. Nên kính
cần lời chiếu này. — Ban xuống
ngày 20 tháng 10 năm thứ 2 hiệu
Gia-long ».

Xem như bài chiếu này và bài
của Trịnh-Kiểm giao cho người
nhà đã dâng *Tri-Tấn* kỳ trước
(số 182) thì biết rằng : văn nôm
của ta chỉ khác văn Tàu là dùng
tiếng nôm mà thôi, còn lẽ-lối cách
hức đều theo văn Tàu cả ; vì thế
cho nên trong buổi phôi-thai hầy
còn dùng nhiều chữ nôm, một là
tiếng nôm chưa đủ dùng, hai là
giọng văn nôm chưa hóa. Đến
câu ông Hàm nói (cũng ở trang
185) : « ở các trường không dạy
(tiếng Nam), các học giả không
đề tâm nghiên cứu » cũng không
phải. Tuy ở các trường không dạy
thật, nghĩa là không dạy làm lối
văn nôm để đi thi, nhưng ta có
một lối không phải đem giảng cho
học trò mới là dạy : một ông đồ
nào đó làm một bài văn hay bài
tốt, đưa cho một ông tú hay ông
cử chấm, thế là học nhau dạy
nhau đấy. Xem như trong sử chép
truyện Nguyễn Thuyên và Nguyễn
sĩ Cổ có những chữ « nhân đa
biệu chí » nghĩa là « nhiều người
bắt chước » : bắt chước tức là
học nhau, nếu không học nhau thì
lấy đâu có những bài kinh nghĩa,
văn sách và phú rất hay, như bài
của cụ Lê quý Đôn, lấy dân có
những ra và ngâm khúc rất tao
luyện như truyện *Kiều* và *Cung
oán ngâm khúc* (những văn của
Cụ Lê quý Đôn chắc độc giả biết
cả, đến lúc này phải trích ra

đấy). Ông Hàm trách học giả
không đề tâm nghiên cứu cũng
nhảm : chính các cụ học nhau
tập nhau, là nghiên cứu, chứ văn
nôm ngày xưa đã có gì làm nhiều
mà phải nghiên-cứu như lối bây
giờ.

Còn đến câu ông Hàm nói « Ai
nấy cứ theo thói quen từ thuở
nhỏ mà nói, cứ thuận miệng mà
đọc, không chịu đắn-đo cần-thận,
nên có những âm thanh vì thế mà
sai lạc đi, thành ra nơi này khác
với nơi nọ ». Câu ấy nói hơi quá :
lực-ngữ ta có câu « ăn có nhai,
nói có nghĩ », lại có câu « học ăn,
học nói, học gói, học mở », thế thì
cái khoa nói của các cụ tiền-bổi,
không phải là « không chịu đắn
đo cần thận ». Còn cái thói quen
thuận miệng mà đọc, là do thói
âm từng phương, chứ không phải
tại « không chịu đắn đo cần
thận ». Và lại, đương hồi này
là hồi cần thêm nhiều tiếng, thì
những tiếng thuận miệng ấy, tuy
không quen nghe, nhưng cũng
nên dùng để cho giàu tiếng. Phạm
tiếng nói, thường tỉnh này đến
tỉnh kia đã khác nhau, ở phương
đông sang phương nam đã khác
nhau : cái đó không lấy gì làm lạ.
Cả phong-tục cũng theo tiếng nói
mà khác nhau ; các nước phương
tây cũng thế ; ngay như chữ Hán
cũng phân ra nào quan-thoại, nào
tiếng Quảng-đông, Quảng-tây,
Phúc-kiến, v. v., biết bao nhiêu
thứ tiếng.

Vậy thì đoạn sách ở trang 185
nên xoá đi.

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

VŨ PHẠM KHẢI

(Tiếp theo trang 7)

Rồi ông tiếp được bức thư của Chi-Hùng bằng long nhận sự ông bàn với Nguyễn Văn Mỹ rồi viết thư giả nhời, hỏi xem hẳn muốn xin những gì. Chợt Trần Văn-Mỹ đem quân tiến đến đồn phủ Thông-hóa, ông Khải trách hỏi rằng :

— Tôi gửi thư chiêu hàng, ông đem quân đi đánh, phỏng có khác gì Hàn Tín với Lịch Tư-Cơ ? Ông Mỹ nói :

— Cần phải trượng thanh thế như vậy thì nó mới mau về hàng, không hại gì cả.

Ông Mỹ bèn cử việc thăm rộ kéo đi, thừa hư đến đánh đồn Trà-lệnh của giặc. Giặc tức giận đem hết quân đến Văn Mỹ, thất lợi phải rút về đồn phủ Giặc kéo đến vây đồn Nà-cù, Văn-Mỹ sai Lãnh Văn, Lãnh Chất đến dót chọi đồn ấy; thu những quân lính tráng về giữ đồn phủ (Thông, hóa), còn quân ốm yếu, sai Lãnh Khưa đem về đồn Châu (Bạch-thông). Lãnh khoa trong khi dẫn quân về, dọc đường bị giặc đuổi theo, đến ngoài đồn, giặc dàn ra bao vây bốn mặt, đánh vào rất gấp. Bấy giờ ông Khải ở trong đồn, đem quân phòng giữ và tự đi các nơi cầu cứu cứu viện. Sau hơn 10 ngày, vẫn chẳng có viện-binh vào đến.

Ông đem thương tích binh của mình ở trong trại giặc, thảo sớ đệ về. Vua nghe tin cảm thương có châu phê mấy đều như sau

— Tìm cách cứu về.

— Trăm không thể bỏ kẻ lão thành-túc-nho.

— Lòng tinh thành có thể cảm hóa, cho được trở lại biện thuyết giặc.

— Nên từ bỏ sự trong mà biện thuyết mới là tay giữ-bành quyền.

Vua lại ban cho ông ho đề mặc rét.

Dụ sớ đi đến nơi, chợt Chi-Hùng đem quân đến ông Khải đến đồn chợ Dã. Ông đến Chợ Dã, khi thì đồn phủ Thông-hóa cũng bị vây mà ông Trần Văn Mỹ cũng bị bắt, rồi Ông Khải lên lục xem lại những bức thư trao đổi trước, khuyên Đặng Chi Hùng nộp về hàng thuận với Triều đình. Chi Hùng nói sự làng tuấn-công là chấp tam, còn những việc dân chằm các điều gần đây, chỉ là vì cơ quan quân đã đánh đồn Trà-lệnh,

nếu ông đến sớm thì sẽ không có chuyện gì cả. Sau khi đã điều đình, dần dần với giặc, ông Khải viết giấy từ trình về tỉnh. Nhưng đợi mãi vẫn chẳng thấy tỉnh-thứ (1) gia nhời. Mãi sau có quan Thống-dốc mới là Hoàng Kế-Viem (2) đến Thái, viết tờ phúc từ gửi lên Cao Dã. Bấy giờ cuộc chiến phủ yên-miền. Ngày 18 tháng 12, ông Khải từ trại giặc ở Chợ Dã ra về thu lại ba đồn Bạch-thông, Thông-hóa, Chợ-mới và giải về những quân lính, voi ngựa và súng ống của các đạo quân khác bị mất. Ngày 25 về đến Chợ mới, có Bô-chính mới là Phạm Chi-Hương hội tiếp và ở lĩnh tỉnh lên đón. Ngày 27 về đến Lai-nguyên. Tỉnh cái thời gian ông Khải bị cầm giữ ở trong trại giặc trải 5 tháng trời (năm ấy nhuận tháng 10).

Ở Thái đợi mệnh vài tháng, ông Khải nhận sớ trở về để dưỡng ở quê nhà. Tháng 5 năm Tự đức thứ 24 (1871), tập cửu-ngũ của quan Thống-dốc Hoàng Kế-Viem đệ lên, nói việc Vũ phạm Khải có sự trạng thê, không có điều gì ám muội. Hoàng-thượng căn nhắc tình lý, gia ân chỉ giáng hạ cấp lưu, cải bổ làm chức Hình-lộ tả thị-lang, kiêm sung Toàn-tu ở Sở-quân.

Tiếp được mệnh mới, ông Khải lại đến quân thứ tỉnh Bắc đề từ biệt. Quan Thống-dốc Hoàng muốn lưu lại giúp việc, nhưng ông chối.

— Cái thân sống sót ở trong vòng đao kiếm chết này, muốn được một lần về bãi mã^đ thì khuyết thì mới yên lòng.

Thượng tuần tháng 8, từ quê nhà khởi hành vào kinh, dọc đường vì mưa lụt mà phải trì rệ. Đến phủ Ng. 4, dâng sớ xin ở 7 ½ bộ Hinh. Vào đến Kinh-dō, mới biết là mình đương bị họa các quan Ngu-sử dâng sớ đàn-lặc, trong sớ kết buộc những điều rất quan hệ.

Nguyên bọn người đàn lặc này là Thự Hinh-khoa Cấp-sự-trung Nguyễn Văn-Tuyên, Nam nghĩa ngự-sử Lê Lương, Lại-khoa Cấp-sự-trung Nguyễn Trọng Bền, Hà-au ngự-sử Mã Văn-Chất, Sơn-Hung ngự-sử Lê Trung Lương, Bình-Phú ngự-sử Trần Văn-Lễn, Hà-niên ngự-sử Lê Văn Tiệp đều là những người đang ưa gi Vũ phạm Khải, nhân

tiếp được một tập của bọn các ông Lê Bá-Thận, Nguyễn Huy-Du, Trần văn-Mỹ ở nơi quân-thứ gửi về, trong đó thu thập những lời cung của bọn quân thua lâu lán, đều là lời thêu dệt vào tội cho ông Khải cả, bèn cùng nhau liên thanh dâng sớ đàn hặc. Trong sớ đại khái nói:

« Vũ phạm Khải là người đọc sách mà không biết chữ viết nghĩa. Chuyển, ấy đồn châu thất thủ bị bắt, đã không biết lấy một cái chết để đền báo lại còn đem cái thân đội mũ mặc áo của Triều đình mà cùng ngồi ăn uống với giặc. Người có nhận tâm mà lại như thế ư? Nói rằng để Chợt Dã để biện-thuyết chiêu-an, chẳng qua chỉ là mượn đó để che dấy tội lỗi. Và cũng là bị bắt, sao Trần văn-Mỹ thì phải nắm gird trên cổ. Vũ phạm Khải lại vẫn được sống long như thường? Trang đó tất là phải có sự luồn cúi lạy lục. Kể ấy sống về, đợi cho được thối chết đã là may lắm, há còn nên cho đường đường liệt vào hàng án quan v.v. ».

Việc giao đình-ngự, rồi do Lại-bộ thượng-thư Nguyễn Tri-Phương cứu xét. Ông Khải có viết lời khai rất tường tận, chớ lại những lời đã buộc tội cho mình. Nhưng trong khi án xét chưa xong thì tháng 12, ông mắc phải chứng sốt, lúc nóng lúc lạnh. Trong khi ốm, chiêm bao thấy ông Trương Đăng-Quế, ông Phan Thanh-Giản cùng 2, 3 người bạn đã mất, bảo làm bài thơ ngủ, thơ làm xong thì tỉnh dậy. Ông nói:

— Cái việc ngày nay, có lẽ nên phó cho một giấc ngủ chăng.

Sau đó bệnh càng nặng thêm, rồi đến ngày 22 tháng ấy ông mất, thọ 65 tuổi.

Vua Dục-tông nghe tin, động lòng thương tiếc ngài có châu phê rằng:

« Không phải theo giặc, không phải xuất chinh, sau lại có công trạng thực, vậy không thể so ví như lệ khác được. Quan viên Khơ Đạo nói là có lỗi, cần phải tỉnh lý, vậy giáng xuống Hàn-lâm-viện để đọc học-sĩ, vẫn sung sử-quáo Toản-tu, ban cho tiền xuất-tử trăm quan, Khâm thủ. »

Ông Khải mất ở ngục-sở tại kinh-đô, hèn mọn chỉ có người vợ thứ họ Bế và mấy người hạ-tro là Ngô quý Đồng, Nguyễn Quang v. v. còn vợ con

đều ở quê nhà. Con gái nhỏ là Hạ, tức Kế-Xuân, đã đổ tóc-sai, ng o tu dũ lập từ: vào kinh đón tang về nhà, rồi quàn ở nhà gần một năm mới táng. Ngày táng (tháng chạp năm Nhâm-thân), các quan tỉnh Ninh-bi h, Nam-dinh đều đến viếng đưa và phải lĩnh tràng đèn hồ đèn rất long trọng. Sau khi táng

rồi, vua Dục-Tông nhớ đến người cũ, ngài ngự chầu bài thơ viếng. Một lần ngài cùng với quan Nội-các Nguyễn Tu Giản bàn về những tay văn-học danh-thần ở trong thời, nhân giở những bài biếu ở hai kỳ kháng-thọ và bài biếu cống Tầu của ông Khải soạn ra xem. ngài tấm tắc ngợi khen và châu phê bởi xem những văn thơ trứ thuật lúc sinh bình truyền sao chép ra để tiến lãm. Lại phán bảo con cháu có bao nhiêu người ở, đã ai thì cử gì chưa. Sau đó mười năm, con là Kế-Xuân được bầu cử là người yêm há; vào Kinh ứng hạch. Khi Kế-Xuân về, Hoàng thượng phán rằng:

« Cha Kế-Xuân là Vũ Phạm Khải, khi xưa vẫn được Trẫm yêu mến, vậy ban cho Kế-Xuân 30 lang bạc để người về sắm lễ cùng cha người Gòn thừa thì giúp làm lương thực của người ».

Ấy ông vua đối với ông Khải, trước sau vẫn nhớ mến như vậy.

Trong đời ông soạn ra thơ văn rất nhiều. Cứ như năm Quý-dần niên hiệu Tự đức (từ 26 (1873), con là Kế-Xuân phụng chỉ sao chép tiến lãm thì có 3 quyển thơ và 15 quyển văn. Mùa đông năm ấy, 4 tỉnh xứ Bắc kỳ thất thủ những bầy con cháu còn giữ ở nhà, bị đất cháy mất; mà những bài đã tiến vào kinh cũng bị thất lạc về dịp kinh thành thất thủ năm Hàm nghi Ất dâ (1883). Về sau con cháu lại có công tìm kiếm, hoặc ở những bà bạn hay học trò ông, rồi nhớ được hay đã chép được, sửa tập lại thành bộ Ngã sơn toàn tập bảy giờ. Hiện tập này gồm có 16 quyển thơ và 18 quyển văn thơ chia làm 4 tập là Sơ tập, Trung tập, Vĩ tập và Ung chế tập, văn chia làm 10 loại là Tự thể, (Xem tiếp trang 13)

1) Thứ là nói quan quân đóng. Quan quân đi đánh giặc đóng ở lĩnh, gọi là lĩnh thủ.

2) Người Quảng-bình, con ông Phạm-mã Hoàng, Kim-Sân, sau làm đến tít-chê Bắc-kỳ đại-thần.

Khanh Thục Ca

của NGUYỄN - THI BÍCH

36 8

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỐ

Tôn vương bèn mới chọn ngày,
 Hàm nghi niên-hiệu, ban ngay trong ngoài.
 Lập triều bái hạ đủ người,
 Kỳ anh (1) thiếu mặt, khen tài cả gan!
 Vậy nên đến nỗi chết oan,
 Râu hàm vuốt ngược phòng loan khỏi nào
 Làm cho thiên-hạ trông vào:
 Hoàng thân còn vậy, huống bao những người!
 Kinh tâm ai chẳng nép oai,
 Người Tây thấy trái, thử chơi buống lời.
 Làm vua, há chẳng có người?
 Mà đem con trẻ thay ngôi cầm quyền?
 Gia-hung tác cả đức hiền,
 Chung nay sửa trị, lý nên ứng phò.
 Mớm tình lời thử hoa cho,
 Nén hờ há đó, âu lo việc mình.
 Nghe rằng sang (sán) sát hãi kinh,
 Khỏi lời ngon-ngọt dỗ-dành dạ-thừa.
 Mãi tại Tây mới ráp ngọc
 Hộ phò triều yết như xưa vô về...
 Đã gán một nỗi Tây kia
 Bảy giờ mấy kẻ hiềm nghi lo trừ.
 Thương Ông Đức-đức hoàng-trừ!
 Đã gán thân phận, chẳng nhờ khoan ân.
 Vả cho bày đảng phỉ nhân (2)
 Ư-dam (3) cấm-cố, nghiêm răn canh giờ.
 Nước cơm cấm chẳng cho đưa,
 Làm cho sáu-lữ (4), chẳng chờ sắc ban.
 Xói thềm quân lính thờ-thần,
 Gấu đem ăn uống, đồ dâng khát khao.
 Quý-t-kinh sáu hiềm nhượng sao!
 Râu trao thuốc độc, đồ vào giết mau!
 Đan tình ai chẳng may chầu,
 Một ngai thái-hậu thắm sâu chi người!

Rằng « Không kiêng vị thì thôi,
 « Phải chẳng phở mặc, có trời với ai».
 Thụy-công (5) trước đã tỉnh rồi,
 Gia-hung-công cũng họa lai tới tuần.
 Chớ quer: cây dựa thần-thần,
 Làm cho biết mặt, kéo chẳng kiêng gì.
 Bởi người chẳng biết giữ e,
 Họa sinh trước mặt, sắc mê trong lòng.
 Để cho đến nỗi mắc vòng
 Bắt chưng lỗi ấy khôn mong khỏi nào!
 Truyền lư chức tước mảo báo. (6)
 Cải lòng mẫu-tính, (7) ải Lao lưu hình (8):
 Thánh-lữ nghe rất thương tình,
 Rằng « Làm thái-quá không đành lòng ta.
 Vả chẳng phép trị trong nhà,
 Chẳng nên bài bố, người ta chế cười.
 Tước quyền thầy đã cất rồi,
 Khá cho giữ phận, ngộ coi sửa mình».
 Phiến lầu rằng « Phép dù khinh,
 Ai là khôn nổi hóa hành trị nhân (9):
 Phất cho biết phép nghiêm răn,
 Sau nhờ khoa-xá (10) lần lần cũng tha».
 Luống đem pháp luật dỡ ra,
 Dầu lời truyền dạy, ai mà khắt (11) tuân!...
 Xưa nay hề việc quyền-thần, (12)
 Đã chằm ắt quyết, nói năng dặng nào?
 Một người đầy chốn ải Lao,
 Một người ngục-thất đem giao giam cầm.
 Thấy thời ai cũng kinh tâm,
 Phép làm thái quá, chỉ lăm thương tâm!
 Thà rằng một giắc cho an,
 Chẳng thà chịu nhục tấn toan (13) ở đời.
 Phòng sau chặn trước chẳng lời,

Việc người nhường ấy, đạo trời nhường
bao !...

Lấn-lón lo việc lớn lao,
Giữ rằng di-chiếu, chừa trao lời vàng.
Bấy nay quốc-sự phân mang,
Đề lâu chậm-trễ không an tắc lòng
Phán rằng : « Ấy hãy thông dong,
« Phải lo việc nước chớ xong mới đành ».
Vua tới lâu-gửi hết tình,
Xin cho việc ấy cử hành trước đi..
Hết lời khôn lẽ cố vi, (14)
Tháng ba năm dậu, cát kỳ lấn lón.
Dự rằng « Bấy việc thêm buồn »,
Rằng « Noi lệ trước những tuồng đa nghi (15),
« Các nơi-lẽ phẩm tha đi,
Lẽ lòng cũng chẳng chút gì dưng đầu ».
Nghe truyền tới chúa lo sầu.
Tái tam lay lự, xin thu thốn thành.
Lượng trên người chẳng vui tình,
Đầu nhiều năn nỉ, chẳng đành đoán-du (16).
Vì lời di chúc phải cho,
Ấn ban cứ lệ, đàm phu (17) xa gần.
Bốn phương trăm họ vui mừng.
Chúc cầu thành-thọ nghìn xuân tuổi dài.

Vua Kiến-phúc mất rồi, triều - đình bên chọn ngày tôn Ung-Lich lên làm vua, (mồng 2 tháng 8 năm 1884) đặt niên-hiệu là Hàm-nghi, ban chiếu khắp trong triều ngoài nội. Khi lập triều-ban đề bái hạ thì đủ mặt, chỉ thiếu Kỳ-anh quận - công : khen thay thật cũng cả gan ! Thế cho nên mới chết oan : rấm bầm mà vượt ngược thì khỏi làm sao được ! Họ (tức bọn Trương, Thuyết) chỉ cốt làm cho thiên - hạ trông vào : hoàng - thân mà không thuận cũng còn bị hại như vậy, huống chi người ngoài ! Ai thấy thế, mới chẳng kinh tâm táng đởm, mà chẳng sợ oai quyền ? Nhưng người Tây thấy trái, thử buông lời chơi : « Thiếu gì người đáng làm vua, mà lại đem con trẻ lên cầm quyền ? (quyền Việt-sử loát-yếu, tập đông, tờ 68 b chép khi vua Hàm lên ngôi mới mười ba tuổi). Như Gia-hưng quận-vương (Hưng-Hu) là người nhiều tuổi mà có hiền đức, đáng lẽ phải lên đề sửa trị việc nước mới phải ». Người Tây ước mồi, họa may được, còn nên hay không

nên, không phải việc họ. Nghe họ san-sát, lấy làm kinh hãi, cho nên phải khéo lời ngon-ngọt. Sau họ nghe cũng êm tai, nên cũng nín lặng. Rồi cũng phò vua Hàm nghi lên ngôi, cũng triều yết như các đời vua trước. Thế là đã yên được một mặt đối với Tây. Bấy giờ mới mưu trừ kẻ hiểm - nghi. Thương may rằng Dục-đức là một ngôi hoàng-trừ, sau khi bị truất ngôi, vẫn chịu yên phận ! Chẳng được gia ân khoan-thứ thì chớ, lại vu cho là vào bày dăng với gặc, rồi bắt cấm-cố ở nhà tối, canh phòng rất nghiêm ngặt, cấm không đưa cơm nước gì, cốt làm cho gầy mòn mà chết, chứ chẳng chờ gì sắc ban ! Quân lính lại có bụng thương thăm dò sọt vụng, nên vẫn đưa cơm nước giấu cho đỡ đói khát. Bọn quyền-thần hiểm độc biết chừng nào ! Họ thấy thế, họ lừa đưa thuốc độc vào cơm nước đồ cho mau chết ! Tình oan uổng như thế, ai nghe mà chẳng chau mày ? Một mình hoàng - thái hậu thăm sâu không biết bao giờ người được ! Ngai phán rằng : « Đã không kiêng nể thì thôi, thôi thì phó mặc, có trời xèi xoi ». Thế là Thụy-công (tức Dục-đức) đã lịn trước rồi. Còn Gia-hưng quận-vương cũng đến lượt « họa lai » : Dừng quơm cây thế là thân-thần, họ làm cho đói khát, chẳng kiêng nể gì. Bởi vì quận-vương không biết giữ gìn, trong khi bị tai-vạ, lại mắc việc buông thả không cần, cho nên mới bị vòng hoạn-nạn : bắt về tội ấy thì tránh sao được ; Truyền thu cả chức tước mũ áo, bắt đổi theo họ mẹ, rồi đày ở Lao-bảo. Hoàng thái-hậu nghe rồi thương tình phán rằng : « Làm thái-quá như vậy, không yên lòng ta. Và chẳng pháp-luật cốt sửa ở trong nhà, không nên bày-tố tuyên bố cho người ta chế cười. Chức tước thì đã truất hết cả rồi, nên tha cho giữ phận, ngõ hầu coi đó mà sửa mình ». Phấn tâu rằng : Phép nước nể làm nhẹ đi, thì đức hóa của nhà vua khó thi-hành mà khó trị được thần - dân. Phải làm cho biết phép nghiêm - ngặt, rồi sau dần dần ân - xá đại xá cũng được. » Thế là đồ pháp - luật ra, dẫu có chỉ-truyền thánh-dụ, cũng không chừa tuân theo. Xưa nay kẻ quyền - thần đã chắm việc gì thì hay quá quyết : dẫu ai nói cũng không động. Một người thì đày ở Lao bảo, một người thì giam cầm ngục tối : ai nghe thấy mà chẳng thất kinh rụng rớt

Pháp luật làm thái quá, vì trong chỉ chỉ chăm những sự tàn bạo, thái rằng một thác cho xong, chẳng thể chịu những sự nhục nhã cay chua ở đời, bọn quyền thần ráo trước dón sau đủ khêu. Việc người mà làm trái đạo như thế, thì đạo trời làm sao!.. Bấy giờ mới nghĩ đến việc tôn tôn từ đủ thái-hoàng thái-hậu là việc lớn, tâu rằng « Có di chiếu để lại những lời vàng ngọc; bấy nay vì việc nước rối loạn, nếu để chậm trễ nữa thì trong lòng không yên ». Thái-hậu phán rằng: « Việc ấy lấy khoan đã, phải lo việc nước cho xong, rồi hay ». vua tôi tâu gửi hết mọi thư, xin cho cử hành lễ tấn-tôn trước. Tâu gửi đã hết lời, thái-hậu không có lẽ cố ý làm trái, bèn chọn ngày lành ở đất vào t'áng ba năm Ất-dậu (1885) tôn làm **Tứ-đế** thái-lạc hoàng thái hậu. Nhưng truyền dụ rằng: « Bấy giờ việc mà thêm buồn, theo lệ cũ thì nhiều lễ nghi; nay lễ-phần ở các nơi, đều bớt đi một nửa, vì lễ ở lòng thành, chứ có ai đáng một chút gì đâu ». Nghe dụ truyền, vua tôi đều lo buồn, hai ba lần lạy lạy xin nhận một tấm lòng thành. Thế mà lượng trên ngài nhất định không bằng lòng, đã nói thế này, ngài cũng không cho bày nhiều lễ nghi; nhưng vì có lễ di-hức, nên ngài phải nhận chút lễ tấn-tôn: cứ theo lệ, ban ân cho thần dân xa gần. Bấy giờ trong dân vui mừng, « kìa cớ thế này » họ của ngài được lâu dài nghìn năm.

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

1) « **Hạnh Thục ca** » chép là Kỳ-anh; Đại-nam liệt-truyền nhì tập (q 8, tờ 15b 16b) chép là Kỳ-phong quận-công, tên là Hoàng Đĩnh-con thứ hai mươi ba vua Thiệu-trị, (sinh năm thứ ba hiệu Thiệu-trị 1843). Với người kiến ngọc phong-lũng, vua thường trách nặng thối tệ. Năm thứ mười một hiệu Tự-dức (1858) được phong làm Kỳ-phong quận công, rồi vì việc thiện liên đánh nhau giữ cửa, bị phạt bổng hai năm. Năm thứ ba mươi một hiệu Tự-dức (1878), vì việc hành phép cày ruộng nạt người đời của, bị giáng làm hoàng-tử, năm sau (1879) được gia ân khôi phục. Đến tháng bảy năm 1884 vua Kiến-phúc mất, vua Hàm-nghi lên ngôi, phàm những lễ phát tang (dĩ chớ vua Kiến-phúc), t'ang-lễ (nhận ấn ngọc t'ang làm vua), t'ang quang (lên ngôi vua) ông đều bỏ thiêu, « hiên t'ang làm tội » thác cổ bất triền » (thác cổ không vào chôn) bị mất hết chức tước, phải làm thứ nhân,

đời theo họ mẹ. Năm ấy ông mất, thọ bốn mươi một tuổi (Sách **Đelouan** chép ông bị chết đời ngày 19 tháng 9 năm 1884). Sau khi mất, được khai phục tước Phong-hương-hầu, tên thụy là **Cung-lượng**, được đền ở phường thờ sáu huyện Hương-trị, đến năm 1886 được khai phục quận-công.

2) **Phỉ-nhân** là giặc.

3) **U-dam** là đăm nhà tôi

4) **Đã** là là gậy mà chết.

5) **Thục-công** là ông Dục-đức.

6) **Mã** là mã, **bào** là áo bào (áo dài, tay rộng).

7) **Cải lòng mẫu tính** là đời theo họ mẹ; những người họ nhà vua bị tội nặng không được nhận làm tôn-thất, phải theo họ mẹ.

8) **At Lao lưu hình** là làm tội đầy ở Lao-bảo thuộc Quảng-trị.

(9) **Hóa hành trị nhân** là đem cải đức hóa của nhà vua để trị dân.

(10) **Khoan** là rộng-rãi, **xá** là tha.

(11) **Khắc** là chẹn.

(12) Khi vua Tự-dức mất ngày 19-7-1883, có giao cho Tôn-thất - Thuyết và Nguyễn-văn - Tường phụ chính, nhưng vì hai người ấy ý quyền cày thế, cải tên đổi sống bốn tháng (từ tháng 7 đến tháng 11 tây năm 1883) ba vua (là Dục-đức, Hiệp-hòa và Kiến-phúc), cho nên người ta gọi là quyền - thần. Hiện còn câu đối truyền tụng như sau này: « nhất gian vương quốc nan phân t'ang; tứ nguyệt tam vương triện bất lưỡng » nghĩa là « một con sông mà hai nước thì khó phân trần mà nói được » đối với « bốn tháng ba ông lên làm vua là đời chẳng lành ». Câu này chỉ cốt chữ « thuyết » đối với chữ « tường » mà nghĩa bóng cũng có ý hay, như về trên, họ chữ « nan phân thuyết » là lẽ ý Tôn-thất-Thuyết không chịu hòa. Về câu chuyện Thuyết và Tường, ta lại còn truyền-tụng một câu ca dao rằng: « Nước Nam có bốn anh - hùng: Tường gian, Viêm lão, Khiêm khàn, Thuyết ngu ». Tường là Nguyễn-văn - Tường, đã cùng Tôn - thất - Thuyết nhận phụ chính, đáng lẽ cả hai người phải đồng lòng giúp vua mới phải, thế mà chỉ có một mình Tường ký hòa với Tây, nên người đời cho Tường là gian dối. Viêm là Hoàng-lá-Viêm tức Kê-Viêm, đánh trận thua mà nói dối là được, nên gọi là lão. Khiêm là ông Ich-khiêm, thật là người trung-trực, nên có nhiều việc ngang trái với người đời, người ta cho là điên-khàn. Còn Tôn-thất - Thuyết mà cho là ngu thì thật là sai lầm; lúc bấy giờ nước ta đang lung lay về tay người Pháp, triều-dinh đã phải giáng hòa, nên ông cũng như ai, thì rồi cũng làm đến tể-tướng, phong đến tước vương, vợ đẹp con khôn, phải kìa

ỦY-BAN VĂN-HÓA LÂM-THỜI BẮC-BỘ VIỆT-NAM

Về tối hát 9-9-43 giúp Ủy ban Văn Hóa tại các rạp Tố Như, Ái Liên, Nhật Tân và Đại Quốc Hoa...

Tiền bán vé tại các rạp	9,712\$
Tiền ông Vĩnh Thụy giúp	300\$
cộng	10,012\$

Tiền chi về thuê rạp và bán hát, in vé, sửa sang rạp hát quảng cáo, thuê người làm 2.432\$
còn lại 7.585\$

Ủy ban Văn Hóa xin trân trọng cảm ơn các ông chủ rạp hát Tố Như, Ái Liên, Nhật Tân, Quốc Hoa đã đặt đại nệm trên lời riêng mà đến giúp, lại xin cảm ơn các ông chủ báo đã cõ động giúp và ban xa gần đã nhiệt thành ủng hộ nên mới được kết quả mỹ mãn như trên.

Ủy ban Văn Hóa lâm thời
lại cáo

lâm nọ, ra vào võng lọng nghênh-ngang, chẳng sung-sướng lắm rồi! Nhưng ông nghĩ sung-sướng như thế là sung-sướng bề ngoài, mà phần tinh thần vẫn bị nhục vì là nô-lệ người ta, cho nên dù khổ sở đến đâu, khó-khăn thế nào, ông cũng một mực phò vua giúp nước, định khôi phục lấy giang sơn ngay bấy giờ, chẳng may thế cục vẫn xoay, nên ông đành phải gởi năm xương lăm ở nơi đất khách; ông mất ở tỉnh Quảng đông ngày 28-6-1913, thọ 78 tuổi. Đến ngày nay nước ta độc-lập, mới biết những hành-vi của ông, thật đáng làm gương cho người mai sau. Mỗi lúc bay giờ ai ai cũng như Tôn-thất-thuyết thì làm gì mà ở, quên bảo-nộ hơn sáu mươi năm! Còn về sự phê-lập, mà đến nỗi thi nghịch, thì ai cũng công nhận là hành-vi tàn-bạo, nhưng đó là việc nội-trị, đây lời không bàn đến. Vả lại, những việc vô-nhĩa-dạo ấy không hẳn là một mình Tôn-thất-thuyết, thế nào cũng có Nguyễn văn-Lương mưu sát, cho nên các nhà làm sử xưa nay đều đổ tội cho hai người-tên này. Nhưng ta cũng không nên vin vào những hành-vi ấy mà làm giảm cái lòng ái-quốc của ông.

(13) Tàu là cay, loan là chua; ý nói khổ sở.

(14) Cổ là định bụng, ví là trái.

(15) Đa nghi là nhiều nghi ngờ.

(16) Doãn là chịu, nghe; đa là bằng lòng.

(17) Đam là rộng, phm là ra. Khi nhà vua có việc vui mừng thương eo ách-chiến ban cho thần dân, gọi là đàm án.

VU PHẠM KHẢI

(Tiếp theo trang 11)

Biểu chương, Tế cáo, Nội hàn, Đản trất, Tấu nghị, Bí kỹ, Biện luận, Tập trư và Đối liên. Cái tài thơ văn của ông, vốn có tiếng lỏi lạc ở trong một thời. Ông Hoàng giáp Tam đẳng Phạm văn Nghị đề tựa tập thơ văn Ngụ sơn có nói thế này:

« Ông Đông dương ở Phụng trì là người bạn đáng sợ của tôi. Mặt cao vượt một thời, tâm hùng hơn muôn kẻ. Những thơ văn làm ra, dựng ý cao cổ, đặt chữ cứng rắn, khiến người đọc phải khưất phục. Nhất là lối từ lục càng sở trường lắm, có soạn tờ biểu khải hạ cho các quan địa phương, được Hoàng thượng ngự phê rằng: « Thật là biểu biết rõ lòng ta. Xưa nay các quan từ hàn ở quán, các, chưa từng có ai làm được như thế ». Vào nội các 6 năm, ở sử quán 9 năm, phàm những việc soạn thuật lớn lao ở triều đình, phần nhiều đều do tay ông cả ».

Xem mấy lời ấy ta đã có thể thấy được cái tài văn học của Vũ phạm Khải như thế nào.

Ông là người có tài, nhưng phải cái tính cứng xẵng và kiêu căng, vì thế ít hợp với mọi người, thường bị sự sàm báng nên hoàn lộ không thể tiến tới lên được, sau càng lại bị sự đàn hặc một cách rất khốn khổ, dễ rồi phải bùi ngùi mà mất. Đối với thời cục nước ta hồi ấy, ông là người phản đối hoà nghị, bài « Hoà nhung luận » còn để lại, nói cái hại của triều Tống hoà với nhung địch khốc liệt là dường nào.

Đáng tiếc ở đây chúng tôi nên giới thiệu ít nhiều những văn thơ của ông, nhưng hiềm vì bài này đã quá dài rồi, vậy xin hẵng tạm hoãn đến một dịp khác.

TRÚC KẾ

Phụ biên những sách vở đã nghiên cứu để viết bài này.

Ngụ sơn niên phở

Đại nam chính biên liệt truyện

Ngụ sơn văn tập

Ngụ sơn thi tập

Chư gia thi tập

BINH CHÊ TRIỀU MINH MỆNH

Tinh phong NGUYỄN TOẠI

Dưới triều Minh Mệnh, binh chế nước ta đã được quy định rõ ràng. Trái hai triều Thiệu-trí, Tự đức, không có điều thay, đổi gì quan trọng. Trước thời Pháp thuộc, binh chế nước ta đại thể như sau này:

Phép giản binh. — Các tỉnh nam trực (Quảng nam, Quảng Ngãi) Bắc trực (quảng trí, Quảng bình) Tả kỳ (Bình định, Phú An, Khánh hòa, Bình thuận) chầu dân số nội tịch cứ ba xuất đinh lấy một người lính.

Sau tỉnh Nam kỳ, năm xuất đinh lấy một người lính.

Hữu kỳ (Hà-tĩnh, Nghệ an, Thanh hóa (và tám tỉnh Bắc kỳ (Hà nội, Hải dương, Nam-định, Sơn tây, Bắc ninh, Ninh bình, Hưng yên, Quảng yên) bảy xuất đinh lấy một người lính.

Còn các tỉnh. Hưng hòa, Tuyên quang, Thái nguyên, Lạng sơn, Cao bằng, mười xuất đinh lấy một người lính.

Việc giản binh giao cho lý trưởng các làng ứng hành. Lý trưởng phải chọn những dân nội tịch, thân thể cường tráng, nhà đông anh em; cấm không được thuê mượn những người ngụ cư, bắt ép những kẻ có ơn.

Mộ binh. Lại mộ những dân ngoại tịch sung vào các vệ đội

ở Kinh làm thuộc binh của các quan văn võ, làm lính tuần thành, pháo thủ ở các tỉnh lý.

Niên lệ. Các lính sung ngũ, ở Kinh, Nam, Bắc trực và tả kỳ phải tại ngũ trong một hạn là mười lăm năm. Ở Hữu kỳ, và Nam Bắc kỳ, một hạn là mười năm. Hết một hạn, người lính có thể xin ở lại một hạn nữa.

Hết một hạn mà về, người lính được miễn một nửa thuế thân và tất cả các đao dịch.

Người nào tại ngũ được hai hạn, tuổi đã quá năm mươi, khi thái bời, được miễn tất cả các thứ thuế và đao dịch.

Ban lệ. Tùy việc có cần cấp hay không, binh lính tại ngũ chia ra làm bai, ba, bốn, năm, sáu, ban; chỉ lưu một ban tại ngũ, còn thời cho về nghỉ ở quê quán.

Binh ngạch. Năm tên lính là một ngũ, mười tên là một thập, năm mươi tên là một đội, năm trăm tên là một cơ, hay là một vệ. Ở các tỉnh miền bắc gọi là cơ, ở Kinh và các tỉnh miền nam gọi là vệ.

Chức chế. Mỗi đội có bốn ngũ-trưởng, bốn đội trưởng, một thư lại. Ở Kinh, mỗi vệ có một chánh vệ úy, một phó vệ úy. Năm vệ hợp thành một doanh, có một Đô thống hay Thống chế. Ngũ quân, gồm

nhều vệ, có một Đô thống, hay Đô thống chương phủ.

Kinh kỳ thủy sư, gồm nhiều doanh, có một Đô thống và một đề đốc.

Ở các tỉnh, tỉnh lớn có một đề-dốc, một lãnh binh, một phó lãnh-binh, tỉnh nhỏ có một lãnh binh, một phó lãnh binh. Các cơ có một chánh quản cơ một phó quản cơ, một điều-ti, mười xuất đội các lính mộ hợp thành các đội tuần thành, pháo thủ ở tỉnh lý, có Thành thủ úy hay Phòng-thủ-úy cai quản.

Riêng ở Kinh đô, có các chức quan đề phụng vệ đức Hoàng đế. 1) Đứng đầu là chương quản thị vệ đại-thần, đứng quan nhất nhị phẩm sung vào, bốn quan. Trục ban (tam, tứ phẩm) một quan nhất đẳng thị vệ (chính tam phẩm); còn từ nhị đẳng tới ngũ đẳng thị vệ có sáu mươi viên.

2) Cẩm y vệ. Chương vệ, vệ úy và phó vệ úy.

3) Kim Ngô vệ Tả chấp kim ngô, Hữu chấp kim ngô (đều chính tam phẩm) vệ úy, và phó vệ úy.

4) Loan giá vệ, Loan giá khanh (chính tam phẩm), vệ úy, và phó vệ úy. Thuộc vào vệ Loan giá, còn có ty Hộ vệ, ty Kinh Tắt, ty Loan nghi, ty Kỳ cò.

Quân hiệu & Kinh đô. — Ở Kinh có ba hạng binh: Thân binh, Cấm binh và Tinh binh. Những lính này đều là người các tỉnh Bắc trực giớ về Nam cả. Thân binh có:

1. Vệ Cầm y, gồm 20 đội: 10 đội Túc trực, 5 đội Thường trực, 5 đội Trường trực; sung việc hồ thị đức Hoàng đế.

2. Vệ Kim ngô, gồm 10 đội, để thay đổi với lính Cầm y.

3. Vệ Loạn giá để hộ vệ lúc ngự giá, gồm 13 đội: 3 đội Loạn nghị, 3 đội Dực vũ, 3 đội Dực chắn, 4 đội Dực để.

4. Vệ Tuyền phong, gồm 10 đội, để Hoàng đế sai sử.

5. Doanh Vũ lâm, ngày đêm canh phòng, gồm có 10 vệ: 5 vệ Tả dực và 5 vệ Hữu dực.

Cấm binh có:

1. Năm doanh: Thân-cơ, Tiền-phong, Long-võ, Hồ-oai, Hùng-nhuệ; mỗi doanh 5 vệ, mỗi vệ 10 đội Dùng để phòng vệ Kinh-đô, và cho ra ngoài đánh dẹp.

2. Bốn vệ Kỳ vũ, chức sự giống như năm doanh kể trên.

3. Hai vệ Kinh-Tượng, chuyên quản đoàn voi.

4. Viện Thượng Tứ, gồm 2 vệ: Khinh kỵ và Phi kỵ, đều dùng kỵ binh (lính cưỡi ngựa).

5. Vệ Long Thuyền, gồm 10 đội.

6. Viện Võ bị có 50 tên lính mộ, đeo súng khảm vàng, bạc.

7. Viện Thượng trà, có 50 tên lính mộ, chuyên việc hầu trà.

8. Đội Tư Bác, có 50 lính mộ, chuyên làm thuốc súng

9. Đội Tài thụ (giồng cây), có 50 lính mộ.

10. Các đội Giáo dưỡng, dùng con các quan võ sung vào.

11. Vệ Vãng-thành, có 10 đội, chuyên việc săn bắn.

12. Đội Thượng thiện, có 50 tên lính mộ, chuyên việc hầu cơm đức Hoàng đế.

13. Đội Phụng thiện, có 30 tên lính mộ, chuyên việc hầu cơm đức Thái hậu.

Tinh binh có:

1. Ngũ quân: Trung quân, Tiền quân, Hậu quân, Tả quân, Hữu quân. Mỗi quân 2 vệ.

2. Kinh kỵ thủy sư, coi tàu chiến, gồm ba doanh: Trung, Tả và Hữu; mỗi doanh 5 vệ.

3. Vệ Giám thành, gồm 5 đội mộ binh để tuần thành.

4. Bốn vệ Thủ Hộ, Trung, tiền, tả và hữu trông nom các Lăng Tăm.

5. Tám đội Dực Hùng, để các Hoàng tử, Hoàng thân sai phái.

6. Ty Lý th ện, có 3 đội, trông việc nấu ăn khi có yến tiệc.

7. Thự Hòa thanh, chuyên việc âm nhạc, có ba đội.

8. Thự Thanh bình, chuyên việc múa hát, có ba đội.

9. Những Thuộc binh ở các phủ, đệ, nha, thự ở Kinh đô

Quân hiệu ở các tỉnh. — Ở các tỉnh, quân hiệu đều dùng tên tỉnh. Ví dụ như tỉnh Gia-định, có 2 vệ, gọi là Gia-định; 10 cơ thủy vệ gọi là: Trung, tiền, hậu, tả, hữu, Giá cơ, và Trung, tiền, hậu, tả, hữu, Định cơ.

HỒ CHÍ MINH

(Tiếp theo trang 2)

Sợ ngời lâu làm nhọc lòng cụ, tôi vội vàng xin cáo lui, đứng lên bắt tay tôi cụ chủ tịch của nó thêm:

— Tôi xin chúc quý báo trưởng-cửu sẽ theo đuổi công việc văn-hóa và sát cánh với chính phủ để củng-cố nền độc-lập.

Tôi cúi chào ra khỏi phủ lòng thấy phần khởi, bốn chữ « củng-cố nền độc-lập » như in sâu trong trí não tôi cũng như bình ảnh của nhà ái quốc đã bao phen gian nan vất vả về hai chữ « Độc-lập »

NGUYỄN TƯỜNG PHƯƠNG

Các cơ binh ở các tỉnh, thiết lập vì việc riêng, thời có tên riêng. Ví như ở Quảng Ngãi có cơ Tỉnh man để đánh dẹp bọn mại.

Ở nhiều tỉnh, binh lính lại thuộc quyền các võ quan ở kinh đô kiêm quản, các cơ vệ ấy cũng đều có tên riêng. Các tỉnh và các vệ, cơ ấy là:

Tỉnh Hà Tĩnh có năm vệ: Uy vũ, Dương vũ, Tiếp vũ, Chấn vũ, Minh vũ, thuộc quan Đô thống doanh Thân cơ kếm quản

Tỉnh Nghệ an có mười vệ. Năm vệ: Hoàn vũ, Phấn vũ, Trung vũ, Trang vũ, Thắng vũ thuộc quan Đô thống doanh Tiếp cơ kếm quản. Năm vệ: Nghi vũ, Diêu vũ, Tụan vũ, Định vũ, Nghiêm vũ, thuộc quan Đô thống doanh Long vũ kếm quản.

(Còn nữa)

Tỉnh phong NGUYỄN TOẠI

BÔ THẦN QUỐC ÂM CA ?

(Tiếp theo trang 6)

Ngồi mà nghĩ thêm sầu lại tủi,
 Nước Nam ta gặp buổi chuân-chiến,
 Gã Mán quen thói ngu hiền,
 Cũng như Minh-Trị dĩ tiền mọi năm.
 Từ nước pháp đem tâm bảo hộ,
 Mở trí khôn mới độ một và.
 Non sông thẹn với nước nhà,
 Vua là tượng gỗ, dân là thân trâu.
 Việc dây thép, việc lầu, việc pháo,
 Việc luyện binh, việc giáo học trường,
 Việc kỹ nghệ, việc thông thương,
 Việc khai mỏ sắt, việc đường hỏa sa.
 Giữ các việc chẳng qua người nước,
 Người chức bồi, người tước cu-ly.
 Thông ngôn, kỹ lục chi chi,
 Mãn đời lính tập lộn vì quan sang.
 Thuế các chợ, các làng tăng mãi,
 Hết dinh, dền, rồi lại trâu, bò.
 Thuế chó cũ, thuế lợn lò,
 Thuế dấm, thuế rượu, thuế đồ, thuế xe.
 Thuế các chợ, thuế chè, thuế thuốc,
 Thuế môn bài, thuế nước, thuế đèn.
 Thuế nhà cửa, thuế chùa triền,
 Thuế rừng xẻ gỗ, thuế thuyền bán buôn.
 Thuế gò thuế bãi, thuế ồn,
 Thuế người chức sắc, thuế con bát đần.
 Thuế dầu, mật, thuế sơn mọi chỗ,
 Thuế gạo, rau, thuế lúa, thuế bông.
 Thuế tơ, thuế vải, thuế đồng,
 Thuế chày, thuế cá, khắp trong ruộng kỹ.
 Phiếu rặng thuế kẻ chi cho xết,
 Thuế rĩa kia mới việc lạ lùng.
 Thôi thì thôi cũng dầu lòng,
 Cha con tử nhục, vợ chồng lìa tan.
 Cũng có lúc bầm gan tím ruột,
 Vạch trời kêu mà tuốt gươm ra.
 Cùng xương, cùng thịt, cùng da,
 Cùng hồn máu đỏ giống nhà Lạc long.
 Thế mà chịu trong vòng trời huộc,
 Bốn mươi năm như nhuốc lấm thân.
 Thương ôi Bách Việt là sao,
 Văn minh có sẵn khôn ngoan có thừa.

Tên chúng ta sẽ ghi trong « sử
 vàng » những người đã chiến đấu cho
 nền Độc Lập nước Việt-Nam.

Vì: chúng ta đã cương quyết hy
 sinh tính mệnh chống ngoại xâm,
 chúng ta đã mang vàng ra bỏ vào
 quỹ Độc Lập.

Hồn mê mẩn tỉnh chưa chưa tỉnh;
 Anh em ta phải tỉnh sao đây?
 Nhật là họ, Pháp là thầy,
 Trí khôn phải học, nghề hay phải tìm,
 Việc tân học sắp đem những trườ,
 Hội dân-đoàn cả nước với nhau.
 Việc buôn ta lấy làm đầu,
 Mọi nghề cũng ghé địa cầu một vai.
 Bà giờ kẻ còn dài chưa hết,
 Chữ tự do hãy kết một lòng.
 Gương Nhật bản đất Á-đông,
 Giống ta ta phải soi chung kéo mà.
 Học thức dần dà mở rộng,
 Hồn Lãng sa rồi cũng nề-nang.
 Có khi đặt chữ bình hàng.
 Đem thân nô lệ làm phương văn minh,
 Kia thuế trước như Anh, Pháp, Đức,
 Cũng chẳng qua cùng cực tặc thông,
 Họa may trời có chiều lòng,
 Việt-nam đứng lại phương Đông một mình,
 Thân phiêu-bạt đã đành vô lại,
 Bảy nhiều năm Thương-bại, Hoàn-tân,
 Trinh Nga nhân buổi hoàn quân,
 Sốt mình bỏ bá theo chân khái hoàn,
 Bưng chén rượu ân ban hạ tiếp,
 Gạt hàng châu khép nép quì tâu,
 Trời Nam mà mặt ngàn giâu,
 Gió thu như thổi dạ sầu năm canh,
 Biết bao nỗi bất bình khôn giải,
 Mượn bút hoa mà gửi quốc âm,
 Thân già bao quản cát lăm,
 Khuyên ai đức chữ đồng tâm sau này.

THI NHAM sao lục

KỊCH DÀI BẢNG THƠ

Yêu - Ly

(hay là « Yêu-Ly nương sức gió »)

LƯU-QUANG-THUẬN

Số 4

Quan Sư

Lời rứa dạy, lão phu xin thừa-mạng.
 Yêu-tiên-sinh: fã fõn năm đập thảng
 Minh công tôi dụng ý kiến ng rừi tài;
 Nợ anh-hùng quý: mỗi bạo ghê vãi;
 Trời đất rộng khôn mô kim đáy bể —
 Hồng-phúc lớn bỗng một ngày nghe tiếng
 Yêu tiên sinh ngà ầu đặt nơi đây,
 Nhẽ gia vụ như ngự-uyền xuân đầy
 Thân tìm đến để mong ngà ra giúp
 Tinh thần nặng với non sông gắn vóc,
 Đầy giang-sơn đương lúc rạt cuồng-pheng,
 Thân nam-nhi ngài đâu nỡ ngoi lòng.
 Trước việc lớn đương cần vai gánh vác,
 Minh công tôi mong thỏa lòng khao-khát,
 Gặp nhau đây ngà ngĩ lại cùng chăng?

Yêu Ly

Ôi sá-chi một-hàn-sĩ thấp hèn
 Mả tôi chưa phải dời xa ngọc-thê;
 Chồn lều cỏ tôi đã cam thất lễ.
 Minh-công còn làm tội kẻ ngu-si.
 Ôi thế ra.

Đờng quan-san Minh-công với ngà đi
 Sải là đề tìm Ly giao trợg trá h!
 Tên Yêu-Ly, tên một người áo rách!
 Sức Yêu Ly không trói nổi gà con!
 Giang-sa Ngổ thiếu gì kẻ anh hùng,
 Vương không triệu lại tìm nơi hàn-sĩ!

Ngổ-hạp-Lư

Yêu-Công ơi! ngà rộng lồng rớt kỷ
 Bên lưng ta Khánh kỳ tuôn hùng-bình

Sức muôn quân thôi chuyển núi lay thành,
 Bên Ngổ quốc Yêu Ly đâu nắm mắt.
 Yêu Ly! Yêu Ly! lòng kim dạ sắt!
 Phụ ta là: người phụ cả non sông —

Yêu-Ly

Nhưng cúi đầu hàn-sĩ lạ chúa-công,
 Kiếm chi vẽ bắt-tài ra gúp nước!

Võ-lương

Ngổ-hầu biết chuyện ngà đây độ trước
 Trong thôn nầy giữa tộc mắng Tiều-Khâu,
 Gã can trường dân đời đến đêm thâu
 Mang dao tới cửa ngà toan rửa hận;
 Một lời nói hơn nghìn cân sức nặng,
 Mắng Tiều-khâu ngà trờ gã kêu căng
 Tiếng khen ngà từ đó mấy phương vang.
 « Dám can nói đủ làm tan vũ lực »
 Nay Ngổ-chủ lo cứu-nhân mạnh sức
 Kiếm tôi hờn mưu trờ dứt cơ nguy,
 Gót vương-gia gai góc không quân gì,
 Cầu n, hĩa-sĩ chẳng phải bao dạm sá

Yêu-Ly

Ồ ngày nọ chết Tiều khâu là tại gã
 Tinh can-trường nầy tức khí lời tôi.
 — Chuyện trong làng ở giữa ngu-dân thôi.
 Căn cứ đó gọi thái-năng, ôi chớ kễ.
 Tay một gáo tát sao rồi lượng bề!
 Mà tướng quân sao lời nói quen quen?
 Ở đâu rồi Ly có gặp vài phen?

Võ-lương

Trong bữa tiệc có Tiều-khâu ngày nọ,

Đông quan-khách nên ngai không nhớ rõ...
 Tiên-lương theo về dưới trướng Ngô hầu
 Đêm truyện ngai lời nói khắt Tiều-khâu
 Bề giới-thệ với hầu tay trí-sĩ
 Hầu lo nổi mai một lóng nghĩ-khí
 Thân tôi đây, ngai chờ ngại-ngủng chi.
 Thôn nỏ này không phải chỗ Yếu-Lý
 Mua đại sự đề bù khi ăn nấp

Ngô-hạp-Lư

Tích tâm-trọng sức đời xin báo đáp :
 Đãi ngang hàng, chia giường nọ mâm kia.
 Ngồi-lập-bá thành, nghệp-bá số cùng chia
 Không thành nghệp, ta sẽ cùng rau cháo
 (Yếu Lý vượt trán suy nghĩ)

Quân sư

Lòng quân-ở không màng chi mũ áo,
 Nhưng trượng-phu nghĩa lớn há làm ngo ?

Võ-lương

Đỏ lên đây mà cờ thần nhiên cờ,
 Đồng gương sáng rí màu nơi xó vách !

Ngô-hạp-Lư

Yếu-Lý, Yếu-Lý ! Ngàn tròng dặm khách,
 Ta với người kỳ-ngộ há vô duyên ?

Quân-sư

Đỏ đây tìm rải muốn lớp sơn xuyên,
 Trái mưa nắng... để cầm tay lạnh giá !..
 Đành phú-quý lòng cao không kể sá.
 Nhưng kiến nghĩa bất vi sao thề gọi anh-hùng ?
 (Còn nữa)

LUU-QUANG-THUẬN

BẢO MỜI

Chúng tôi vừa được tin báo « VẤN MỜI »
 do ông Trương Tửu chủ trương sẽ ra số đầu vào
 ngày 23-9-1945.

Báo chuyên bàn về các vấn đề xã hội và văn
 nghệ mỗi tuần ra 2 kỳ từ năm và chủ nhật.

Xin vui lòng giới thiệu với các bạn đọc và
 các bạn đồng nghiệp được trường thọ.

TRI TÂN

TRI-TÂN TẠP-CHÍ

RA HÀNG TUẦN

MỤC LỤC SỐ 205

Nửa giờ với chủ tịch

Hồ-chí-Minh Nguyễn-lương-Phượng

Ngày Độc-Lập

Thịnh-Quang

Cuộc hội-dàm giữa cụ

Hồ chủ tịch với ba đại biểu

liên đoàn Văn hóa U.B.V.H.L.T.B.B.V.N.

Bỏ thần quốc âm ca ?

Thi-Nhưm

Một vị danh thần triều Nguyễn (hết) Trúc-Khê

Vật nam văn học sử (XVIII)

Ứng-hóa

Hạnh thực ca (VIII)

Nguyễn-văn-Tổ

Bình chổ triều Minh mênb (I) Nguyễn-Tọai

Kịch yếu-ly (IV).

Lưu-quang.Thuận.

GIÁ BAO

Một năm 55 \$ 00

Sáu tháng 30 00

Ba tháng 15 00

Một số 1 20

TÒA BÁO

95 — 97 phố Chancelme — Hà-nội

Đại lý Ủy Viên ở các tỉnh

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-dắt — Hải-phòng

Vũ-ngọc-Cử 40, phố Đông-không — Hải-dương